

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HS-ST
Ngày 28-11-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tô Cẩn.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Thịnh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HS ngày 15/11/2018, đối với các bị cáo:

1. Đinh Văn S (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/5/1978 tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: H're; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Con ông Đinh Văn L (đã chết) và bà Đinh Thị R1, sinh năm 1961.

Vợ Đinh Thị R2, sinh năm 1987. Con có 02, lớn nhất sinh năm 2006 và nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền sự, tiền án: Không.

Ngày 31/10/2018 có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn S: Bà Bùi Thị Thuyết Anh - Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Đinh Văn Tr (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 10/10/1981 tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: H're; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 5/12.

Con ông Đinh Văn Y (đã chết) và bà Đinh Thị Ng, sinh năm 1931.

Vợ Đinh Thị Ph, sinh năm 1983. Con có 03, lớn nhất sinh năm 2002 và nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền sự, tiền án: Không.

Ngày 31/10/2018 có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn Tr: Bà Võ Thị Hiếu – Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

3. Đinh Văn T (Tên gọi khác: Không), Sinh ngày 10/10/1978 tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn G, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: H're; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 01/12.

Con ông Đinh Văn O, sinh năm 1954 và bà Đinh Thị Tr, sinh năm 1955.

Vợ Đinh Thị T, sinh năm 1982. Con có 02, lớn nhất sinh năm 2001 và nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền sự, tiền án: Không.

Ngày 31/10/2018 có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn T: Bà Võ Thị Hiếu – Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham.

Địa chỉ: Tổ dân phố C - thị trấn D - huyện S - tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Quyết T - Chức vụ: Quyền Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Trung Tr - Chức vụ: Phó Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham, theo giấy Ủy quyền số 23a/GUQ-BQL ngày 24/9/2018. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- NLQ1, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- NLQ2, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: 433 V, phường Tr, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- NLQ3, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người phiên dịch: Bà Đinh Thị Mỹ H – Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc màu da cam thị trấn D. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/6/2017, trong quá trình tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng, các cán bộ thuộc Hạt Kiểm lâm huyện S và Ban Quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham phát hiện rừng phòng hộ tại lô 18, khoảnh 05, tiểu khu 209 thuộc thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là khu vực rừng phòng hộ theo Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kết quả rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng trên

địa bàn tỉnh Quảng Ngãi bị chặt phá trái pháp luật với tổng diện tích là 38.300m². Xét thấy có dấu hiệu tội phạm, Hạt Kiểm lâm huyện S đã chuyển vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận vụ việc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và tiến hành xác minh, giải quyết. Qua xác minh đã xác định vào tháng 4/2017, Đinh Văn S, Đinh Văn Tr và Đinh Văn T đã có hành vi hủy hoại rừng tại lô 18, khoảnh 05, tiểu khu 209 thuộc thôn L, xã S để lấy đất canh tác. Trước khi đi, S, Tr và T thống nhất cùng nhau phá rừng, lấy đất trồng keo chung, sau khi bán sẽ chia tiền. Lúc đầu, S, Tr và T dùng rựa để phát ranh giới và chặt những dây leo, cây nhỏ hết 05 ngày. Đến đầu tháng 6/2017, S, Tr và T cùng góp tiền mua 01 máy cưa xăng cũ rồi thay phiên cưa hạ những cây gỗ lớn có đường kính từ 08cm đến 26cm hết 03 ngày tại vị trí rừng đã phá, khoảng một tuần sau thì đốt. S, Tr và T thực hiện hành vi phá rừng trong khung giờ từ 12 giờ đến 15 giờ trong ngày nhưng không liên tục mà có sự ngắt quãng giữa các ngày. Sau khi phá rừng thì S, Tr và T phát hiện có cán bộ Hạt Kiểm lâm đi kiểm tra nên các bị cáo chưa canh tác trên diện tích rừng đã phá.

Tại lô 18, khoảnh 05, tiểu khu 209 thuộc thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi bị chặt phá trái pháp luật với tổng diện tích là 38.300m². Tuy nhiên, căn cứ kết quả công tác khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định, các bị cáo Đinh Văn S, Đinh Văn Tr và Đinh Văn T thực hiện hành vi phá rừng tại lô 18, khoảnh 05, tiểu khu 209 thuộc thôn L, xã S với tổng diện tích rừng bị phá chỉ là 9.893m² (gồm 9.747m² rừng phòng hộ và 146m² rừng sản xuất).

Tại Kết luận giám định số 711/CCKL-GĐTP ngày 28/8/2018 của Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi xác định diện tích 9.747m² rừng phòng hộ tại lô 18, khoảnh 05, tiểu khu 209 thuộc thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi có trạng thái, chức năng và thiệt hại như sau: Loại rừng (trạng thái rừng): Rừng tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo; Mục đích sử dụng: Rừng phòng hộ; Tổng trữ lượng rừng bị thiệt hại: 43,9586m³; Tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại: 24,1772m³.

Tại Kết luận số 22/KL-HĐGD ngày 14/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: diện tích rừng bị phá 9.747m² với tổng sản lượng gỗ bị thiệt hại 24,1772m³ có giá trị 16.430.360đồng.

Bản cáo trạng số: 24/CT-VKS ngày 29/10/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố các bị cáo Đinh Văn S, Đinh Văn Tr và Đinh Văn T đều về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo S, Tr, T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi dùng rựa và máy cưa xăng tự ý chặt phá rừng phòng hộ với diện tích rừng bị thiệt

hại là 9.747m² là có đủ yếu tố cấu thành tội “ Hủy hoại rừng” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Đinh Văn S, Đinh Văn Tr, Đinh Văn T đều về tội Hủy hoại rừng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều đã tự nguyện khắc phục bồi thường mỗi bị cáo số tiền 5.000.000đồng cho nguyên đơn dân sự; các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn; các bị cáo có nhân thân tốt; các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; riêng bị cáo S thuộc gia đình hộ cận nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đinh Văn S, Đinh Văn Tr, Đinh Văn T đều phạm tội Hủy hoại rừng và áp dụng điểm e khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt các bị cáo:

- Đinh Văn Tr từ 12 tháng đến 18 tháng tù;
- Đinh Văn S từ 12 tháng đến 15 tháng tù;
- Đinh Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về phần dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo Đinh Văn S, Đinh Văn Tr và Đinh Văn T liên đới bồi thường thiệt hại bao gồm các khoản: thiệt hại về gỗ rừng với số tiền 16.430.360 đồng và kinh phí trồng mới, bảo vệ, chăm sóc diện tích rừng đã bị phá với số tiền 35.205.874 đồng; tổng hai khoản là 51.636.234 đồng, trừ số tiền 03 bị cáo đã bồi thường trước đó là 15.000.000đồng, các bị cáo còn phải bồi thường số tiền 36.636.234đồng, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường số tiền 12.212.078đồng cho Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham. Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, Điều 585, Điều 587; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của đại diện nguyên đơn dân sự.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu, tiêu hủy: 01 cây rựa dài 65cm, trong đó phần cán rựa bằng gỗ tròn dài 37cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm của Đinh Văn S; 01 cây rựa dài 67cm, trong đó phần cán rựa bằng gỗ tròn dài 38cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 29cm của Đinh Văn Tr; 01 cây rựa dài 50cm, trong đó phần cán rựa bằng gỗ tròn dài 22cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm của Đinh Văn T.

Đối với máy cưa xăng mà các bị cáo đã sử dụng để phá rừng, do hư hỏng nên các bị cáo đã bán phế liệu (không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của người mua) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bà Bùi Thị Thuyết Anh bào chữa cho bị cáo Đinh Văn S: Hoàn toàn nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Đinh Văn S. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 5.000.000 cho nguyên đơn dân sự; bị cáo thuộc hộ cận nghèo, gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo là lao động chính; bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b,

s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 và Điều 65; khoản 3 Điều 7; điểm e khoản 2 Điều 243 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt Đinh Văn S 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung và áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Văn S thống nhất với ý kiến của người bào chữa.

Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bà Võ Thị Hiếu bào chữa cho các bị cáo Đinh Văn Tr, Đinh Văn T: Hoàn toàn nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường mỗi bị cáo số tiền 5.000.000 cho nguyên đơn dân sự; các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị cáo tích cực chỉ dẫn ranh giới, diện tích chặt phá cho Cơ quan triều tra, gia đình bị cáo rất khó khăn, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo là lao động chính. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 và Điều 65; khoản 3 Điều 7; điểm e khoản 2 Điều 243 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt các bị cáo Tr, T, mỗi bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung và áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Văn Tr, Đinh Văn T thống nhất với ý kiến của người bào chữa.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Đinh Văn S, Đinh Văn Tr, Đinh Văn T phải liên đới bồi thường thiệt hại bao gồm các khoản: thiệt hại về gỗ rừng với số tiền 16.430.360 đồng và kinh phí trồng mới, bảo vệ, chăm sóc diện tích rừng đã bị phá với số tiền 35.205.874 đồng; tổng hai khoản là 51.636.234 đồng, trừ số tiền 03 bị cáo đã bồi thường trước đó là 15.000.000 đồng, các bị cáo còn phải bồi thường số tiền 36.636.234 đồng, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường số tiền 12.212.078 đồng cho Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến.

Lời nói sau cùng, Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, trợ giúp viên pháp lý, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Đinh Văn S, Đinh Văn Tr và Đinh Văn T đều thừa nhận: Từ tháng 4/2017 đến đầu tháng 6/2017, Đinh Văn S, Đinh Văn Tr và Đinh Văn T sử dụng rựa, máy cưa xăng đến khu vực tại lô 18, khoảnh 05, tiểu khu 209 thuộc thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi chặt phá rừng phòng hộ của Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham để lấy đất canh tác với tổng diện tích rừng bị chặt phá là 9.747m².

Những lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa. Xét hành vi của các bị cáo, căn cứ vào diện tích và loại rừng bị hủy hoại, căn cứ Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT/BNV&PTNT-BCA-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Tại điểm b tiểu mục 3.6 mục 3 phần IV về một số tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự quy định: “ b. Hủy hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng” là hủy hoại các loại rừng này với diện tích trên mức tối đa xử phạt vi phạm hành chính và điểm c khoản 5 Điều 20 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ, Hội đồng xét xử kết luận hành vi của các bị cáo Đinh Văn S, Đinh Văn Tr, Đinh Văn T đã phạm tội “ *Hủy hoại rừng*” được quy định tại khoản 3 điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì hành vi của các bị cáo S, Tr, T tự ý chặt phá rừng phòng hộ với diện tích 9.747m², tổng giá trị thiệt hại là 51.636.234đồng được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo tinh thần Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về việc áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội. Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hà truy tố các bị cáo Đinh Văn S, Đinh Văn Tr, Đinh Văn T đều về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, các bị cáo đều tích cực chuẩn bị công cụ và trực tiếp thực hiện tội phạm. Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức việc chặt phá rừng phòng hộ của Nhà nước là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có đất canh tác nên các bị cáo đã có hành vi hủy hoại rừng với diện tích 9.747m². Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước, môi trường sinh thái, đối tượng mà bị cáo tác động trực tiếp là rừng phòng hộ nên cần xử lý nghiêm để

giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội; đối với bị cáo Đinh Văn Tr là người khởi xướng và cùng các bị cáo thực hiện.

[4] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện khắc phục bồi thường mỗi bị cáo số tiền 5.000.000đồng cho Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham, gia đình các bị cáo rất khó khăn, các bị cáo có nhân thân tốt, các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; riêng bị cáo S thuộc hộ cận nghèo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, cần thiết phải bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù một thời gian để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về việc áp dụng các điều luật và mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Riêng đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo về mức hình phạt là nhẹ không có tác dụng răn đe đối với người phạm tội nên không chấp nhận.

[7] Theo khoản 4 điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung; tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Đối với phần diện tích 28.553m² rừng còn lại trong tổng số 38.300m² mà Hạt Kiểm lâm huyện S kiến nghị khởi tố, hiện chưa xác định được đối tượng phá rừng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S tách và sẽ xử lý ở một vụ án khác, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên không xem xét.

Đối với một số cán bộ Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham và Hạt Kiểm lâm huyện S có trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng phòng hộ nhưng đã để xảy ra rừng bị chặt phá là thiếu tinh thần trách nhiệm. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham và Hạt Kiểm lâm huyện S tổ chức họp kiểm điểm và có biện pháp xử lý đối với cán bộ của từng đơn vị phụ trách địa bàn nêu trên, các đơn vị liên quan cần phải nâng cao trách nhiệm tuyên truyền, bảo vệ rừng.

Đối với NLQ3 đã ký hợp đồng nhận chăm sóc, bảo vệ rừng tại lô 18, khoảnh 5, tiểu khu 209 nhưng đã để xảy ra rừng bị chặt phá. Mặc dù, NLQ3 phát hiện kịp thời báo cáo cho Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham nhưng cũng cần phê phán hành vi thiếu tinh thần trách nhiệm đối với NLQ3.

Đối với phần diện tích 146m² rừng sản xuất trong tổng diện tích 9.893m² rừng do Đinh Văn S, Đinh Văn Tr và Đinh Văn T phá, vì chưa đủ định lượng nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong phần diện tích này, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên không xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo Đinh Văn S, Đinh Văn Tr, Đinh Văn T phải liên đới bồi thường thiệt hại bao gồm các khoản: thiệt hại về gỗ rừng với số tiền 16.430.360 đồng và kinh phí trồng mới, bảo vệ, chăm sóc diện tích rừng đã bị phá với số tiền 35.205.874 đồng; tổng hai khoản là 51.636.234 đồng, trừ số tiền 03 bị cáo đã bồi thường trước đó là 15.000.000 đồng, các bị cáo còn phải bồi thường số tiền 36.636.234 đồng, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường số tiền 12.212.078 đồng cho Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham; Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 cây rựa dài 65cm, trong đó phần cán rựa bằng gỗ tròn dài 37cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm của Đinh Văn S; 01 cây rựa dài 67cm, trong đó phần cán rựa bằng gỗ tròn dài 38cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 29cm của Đinh Văn Tr; 01 cây rựa dài 50cm, trong đó phần cán rựa bằng gỗ tròn dài 22cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm của Đinh Văn T, đây là công cụ các bị cáo sử dụng để chặt, phá rừng nên Hội đồng xét xử cần tuyên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với máy cưa xăng mà các bị cáo đã sử dụng để phá rừng, do hư hỏng nên các bị cáo đã bán phế liệu (không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của người mua) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo Đinh Văn S thuộc gia đình hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật; bị cáo Đinh Văn T, bị cáo Đinh Văn Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm e khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 48; Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Các Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn S, Đinh Văn Tr, Đinh Văn T đều phạm tội “*Hủy hoại rừng*”,

- Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn Tr 13 (*Mười ba*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Tr đến khi có Quyết định thi hành án.

- Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn S 12 (*Mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo S đến khi có Quyết định thi hành án.

- Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn T 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo T đến khi có Quyết định thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Đinh Văn S, Đinh Văn Tr, Đinh Văn T liên đới bồi thường số tiền 36.636.234đồng, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường số tiền 12.212.078đồng cho Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Thạch Nham.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy: 01 cây rựa dài 65cm, trong đó phần cán rựa bằng gỗ tròn dài 37cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm; 01 cây rựa dài 67cm, trong đó phần cán rựa bằng gỗ tròn dài 38cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 29cm và 01 cây rựa dài 50cm, trong đó phần cán rựa bằng gỗ tròn dài 22cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 28cm (Phần ảnh tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/11/2018 giữa Công an huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S).

4. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đinh Văn S. Buộc các bị cáo Đinh Văn Tr, Đinh Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 610.603đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, đại diện nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Công an huyện S;
- VKSND huyện S;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi
- THADS huyện S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Các bị cáo; nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án + Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mến

